

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hòa Phát;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Hòa Phát số 06.20/BB-HP ngày 08/06/2020,

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát thông qua các nội dung sau:

1.1 Thông qua kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2020 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

- Kế hoạch doanh thu toàn Tập đoàn dự kiến: **86.000 tỷ đồng**
- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế toàn Tập đoàn dự kiến: **9.000 tỷ đồng**

1.2 Thông qua phương án điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án giai đoạn 1 và giai đoạn 2 của Khu liên hợp Gang thép Hòa Phát Dung Quất để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

- Tổng vốn đầu tư: khoảng **60.000 tỷ đồng**.
- Chi tiết nguồn vốn cho Dự án:
 - + Vốn Điều lệ: 30.000 tỷ đồng, cổ đông đã góp đủ.
 - + Vốn vay: 30.000 tỷ đồng trong đó tổng số vốn vay cam kết bởi các tổ chức tín dụng 25.000 tỷ đồng và vay nội bộ các thành viên trong Tập đoàn 5.000 tỷ đồng.

1.3 Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

1.4 Thông qua phương án trích lập các quỹ năm 2019 và đề xuất phương án trích lập các quỹ năm 2020 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

1.4.1 Thông qua phương án trích lập quỹ năm 2019:

Tình hình trích lập các quỹ năm 2019 của Tập đoàn được trích lập theo chi tiết sau (số liệu sau kiểm toán):



STT	Chỉ tiêu	Số tiền (tỷ đồng)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế của năm 2019	9.096
2a	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.603
2b	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(85)
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN (=1-2a - 2b)	7.578
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	408
a	Quỹ đầu tư phát triển (không trích)	-
b	Quỹ khen thưởng phúc lợi (3,8% Lợi nhuận sau thuế)	288
c	Thù lao Hội đồng Quản trị (1% x Lợi nhuận sau thuế)	76
d	Quỹ Khen thưởng Ban điều hành (5% phần vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm)	44
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ (=3-4)	7.170

1.4.2 Đề xuất phương án trích lập các quỹ năm 2020:

- Quỹ đầu tư phát triển: Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT đề xuất quyết định cụ thể.
- Quỹ Khen thưởng Phúc lợi: Mức trích lập tối đa 5% lợi nhuận sau thuế.
- Thù lao Hội đồng quản trị: Mức trích tối đa bằng 0,6% lợi nhuận sau thuế. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định hình thức và mức thù lao cụ thể của thành viên HĐQT.
- Quỹ Khen thưởng Ban điều hành Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát và Ban điều hành các công ty thành viên: Tối đa 5% của phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định mức thưởng, hình thức thưởng và phương án thưởng cụ thể.

1.5 Thông qua phương án chia cổ tức năm 2019:

- Tỷ lệ chi trả: **25%**
- Hình thức chi trả: 5% bằng tiền mặt và 20% bằng cổ phiếu
- Thời gian thực hiện: Quý 2 – Quý 3 năm 2020
- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phương án chi tiết chia cổ tức (bao gồm cả phương án xử lý cổ phiếu lẻ).
- Cổ phiếu phát hành từ chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu sẽ được niêm yết ngay sau khi thực hiện.

1.6 Thông qua tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020: **Dự kiến 20%**

1.7 Thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

1.8 Thông qua nội dung sửa đổi chi tiết và bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, chi tiết nội dung sửa đổi:

1.8.1 Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh:

Mã mới	Mã cũ	Tên ngành, nghề
4299	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị; Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp
7730	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện
7990	7920	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Du lịch và dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)
3511	3510	Sản xuất điện
3512	3510	Truyền tải và phân phối điện
4620	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn nông, thủy, hải sản, lâm sản đã chế biến. - Mua bán nông lâm sản (gồm những loại nhà nước cho phép). - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. - Bán buôn con giống.
8299	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Ủy thác xuất – nhập khẩu. - Mua, bán xuất nhập khẩu khoáng sản. - Mua, bán xuất nhập khẩu các hàng hóa công ty kinh doanh.
2432	2432	Đúc kim loại màu Chi tiết: Luyện gang thép; đúc gang, sắt, thép; Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox; Luyện và cán nhôm

1.8.2 Bổ sung ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
1.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm sắt thép, kẽm thỏi, các kim loại và hợp kim khác; Bán buôn ống thép inox, ống thép hợp kim; Buôn bán các sản phẩm nhôm dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng	4662
2.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển; Bốc xếp hàng hóa cảng sông;	5224

	Bốc xếp hàng hóa đường bộ	
3.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
4.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
5.	Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: Sản xuất sắt, thép, gang, phôi thép	2410
6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Bán buôn các sản phẩm vật liệu xây dựng bằng nhựa gồm hạt nhựa, ống nhựa, cửa nhựa, khung nhựa, tấm trần nhựa; Bán buôn khung nhà, giàn và các cấu kiện thép cho xây dựng)	4663
7.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại Chi tiết: Sản xuất thép cán nguội và cán nóng; Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác	2591
8.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
9.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
10.	Bán buôn thực phẩm	4632
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
13.	Chăn nuôi gia cầm	0146
14.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
15.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác	3100
16.	Đúc sắt, thép	2431
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; thiết bị ngành luyện và cán thép; bao bì các loại	4669
18.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
19.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
20.	Khai thác và thu gom than non	0520
21.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
22.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
23.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
24.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
25.	Xây dựng nhà để ở	4101
26.	Chăn nuôi khác (Trừ các loại Nhà nước cấm)	0149
27.	Xây dựng nhà không để ở	4102
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Thăm dò, tuyển luyện chế biến khoáng sản	0990
29.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
30.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
31.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
32.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ các loại; Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649

33.	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại	3830
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Mua, bán nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động xây dựng công trình đường bộ và đường sắt; Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics	5229
35.	Sản xuất than cốc	1910
36.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; Mạ, đánh bóng kim loại, xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt	2592
37.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản - Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng - Quản lý vận hành nhà chung cư - Kinh doanh sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ định giá bất động sản - Dịch vụ môi giới bất động sản - Cho thuê nhà, văn phòng	6820
38.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
39.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
40.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
41.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
42.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
44.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
45.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Đại lý kinh doanh xăng dầu	4661
46.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	6619
47.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
48.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Dịch vụ bảo vệ;	8010

1.9 Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát hiện hành để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, chi tiết nội dung sửa đổi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 3 Điều lệ về lĩnh vực kinh doanh của Công ty cho phù hợp với nội dung được thông qua tại khoản 1.8 Điều 1 Nghị quyết này.
- Sửa đổi khoản 1 Điều 5 Điều lệ:
“1. Vốn điều lệ của Công ty 27.610.741.150.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi

bảy nghìn, sáu trăm mười tỷ, bảy trăm bốn mươi một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **2.761.074.115 cổ phần** (Bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm sáu mươi một triệu, không trăm bảy mươi tư nghìn, một trăm mười lăm) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/ cổ phần.”

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký. Tổng Giám đốc và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các cơ quan, tổ chức liên quan;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Đình Long

